

tiên, trọng điểm; đến năm 2020, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp Việt Nam trong một số lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm có đủ năng lực hợp tác với các đối tác nước ngoài, tiếp thu, làm chủ, đổi mới và sáng tạo công nghệ. Một số kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Việt Nam xác lập được vị trí trong thị trường khu vực và thế giới”, đề án đã xác định các nhiệm vụ: “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ KH&CN, cán bộ quản lý”; “Huy động có hiệu quả các nguồn lực tài chính cho hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN”; “Tăng cường nguồn lực thông tin phục vụ hội nhập quốc tế về KH&CN”; “Thúc đẩy đổi mới công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao nhằm nâng cao tính cạnh tranh của một số sản phẩm quốc gia”; “Xúc tiến thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ Việt Nam” và “Đẩy mạnh các hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn đo lường chất lượng”.

Một số chương trình để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án là: “Hợp tác nghiên cứu chung song phương và đa phương về KH&CN”; “Tăng cường nguồn lực thông tin phục vụ hội nhập quốc tế về KH&CN” và “Tìm kiếm, giải mã và chuyển giao công nghệ nước ngoài về Việt Nam”.

1.3. LUẬT KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Các luật chuyên ngành trong lĩnh vực KH&CN đã được Quốc hội ban hành:

- Luật Khoa học và công nghệ (2013) thay thế Luật Khoa học và công nghệ năm 2000
- Luật Đo lường (2011);
- Luật Sở hữu trí tuệ (2005), sửa đổi bổ sung năm 2009;
- Luật Công nghệ cao (2008);
- Luật Năng lượng nguyên tử (2008);
- Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa (2007);
- Luật Chuyển giao công nghệ (2006);
- Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (2006).

Ngoài các luật chuyên ngành, Quốc hội đã ban hành một số luật có liên quan đến KH&CN như Luật Bảo vệ môi trường (2014), bổ sung, thay thế

Luật Bảo vệ môi trường năm 2005; Luật Đa dạng sinh học (2008); Luật Công nghệ thông tin (2006),...

Hướng dẫn thực thi các luật về KH&CN là hàng loạt văn bản dưới luật như Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng, Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng các Bộ, ngành liên quan, hình thành hàng lang pháp lý phục vụ cho công tác quản lý KH&CN trong cả nước.

1.3.1. Luật Khoa học và công nghệ năm 2013

Luật Khoa học và công nghệ năm 2013 (luật số 29/2013/QH13) được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 18/6/2013, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014, để thay thế Luật Khoa học và công nghệ năm 2000 (luật số 21/2000/QH10).

Luật Khoa học và công nghệ năm 2013 gồm 8 chương và 59 điều, có nhiều nội dung mới, quy định rõ hơn, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 về nhiệm vụ, nguyên tắc hoạt động KH&CN, chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động KH&CN; làm rõ hơn về vị trí, vai trò của tổ chức KH&CN, sắp xếp lại mạng lưới tổ chức KH&CN nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN, hiệu quả đầu tư cho KH&CN; các cơ chế, chính sách và biện pháp đào tạo, thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ nhân lực KH&CN, các biện pháp sử dụng và quản lý hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước, khuyến khích mạnh mẽ và huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động KH&CN; đẩy mạnh việc ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất - kinh doanh; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển KH&CN; phát triển thị trường KH&CN. Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ cho tổ chức chủ trì và các tổ chức khác được coi là bước đột phá trong cơ sở pháp lý để thúc đẩy việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Một số điểm cần lưu ý là:

(1) Phân loại tổ chức KH&CN theo thẩm quyền thành lập, theo chức năng và theo sở hữu thay cho quy định phân loại tổ chức KH&CN theo các cấp (quốc gia, bộ, cơ sở). Luật cũng quy định cơ sở giáo dục đại học là tổ chức KH&CN và phải đăng ký hoạt động KH&CN. Việc thành lập tổ chức KH&CN công lập (gồm cả các cơ sở giáo dục đại học) phải được các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN thẩm định theo phân cấp. Các tổ chức KH&CN công lập phải được đánh giá phục vụ quản lý nhà nước. Các tổ

chức KH&CN có vốn đầu tư nước ngoài, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền cho phép thành lập mà không cần yêu cầu phải lập thành dự án đầu tư, thể hiện sự thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho xã hội hóa hoạt động KH&CN.

(2) Thể chế hóa việc tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, sử dụng và đãi ngộ, phát triển nguồn nhân lực KH&CN bằng những quy định chế độ đặc biệt, thông qua các ưu đãi về lương, phụ cấp trách nhiệm, dự các hội thảo hội nghị quốc tế... đối với nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học được giao chủ trì các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nhà khoa học trẻ tài năng; tạo điều kiện cho nhà khoa học đầu ngành được đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để tổ chức nghiên cứu, thực hiện ý tưởng đặt ra; xét tuyển dụng đặc cách nhà khoa học trẻ tài năng; khuyến khích và cụ thể hóa nhiều chế độ đãi ngộ các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN ở Việt Nam.

(3) Đổi mới về việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước. Theo đó, mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền đề xuất nhiệm vụ KH&CN. Trên cơ sở này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước khác ở Trung ương tổ chức lấy ý kiến tư vấn xác định, công bố công khai và đặt hàng với các tổ chức KH&CN thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh; gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia về Bộ Khoa học và Công nghệ để đặt hàng với các tổ chức KH&CN. Quy định đặt hàng nhiệm vụ KH&CN với các tổ chức KH&CN là phương thức tối ưu nhằm gắn mục tiêu của nghiên cứu KH&CN với những vấn đề thực tiễn, tránh được tình trạng kết quả nghiên cứu sau khi nghiệm thu không đến được nơi cần ứng dụng. Khi được đặt hàng, với các điều kiện ràng buộc, tổ chức KH&CN phải có trách nhiệm hoàn thành mục tiêu, sản phẩm nghiên cứu và bàn giao lại cho cơ quan nhà nước đã đặt hàng. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước khác ở Trung ương có trách nhiệm tiếp nhận lại, tổ chức ứng dụng kết quả các nhiệm vụ KH&CN mà mình đã đặt hàng hoặc đề xuất đặt hàng.

(4) Về chính sách đầu tư và tài chính phục vụ phát triển KH&CN, từ chủ trương: “ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách KH&CN, bảo đảm tỷ lệ ngân sách nhà nước chi cho KH&CN so với tổng số chi ngân

sách nhà nước tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp KH&CN” tại Luật Khoa học và Công nghệ số 21/2000/QH11, ở Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13, tỉ lệ đầu tư của Nhà nước đã xác định: *“bảo đảm chi cho KH&CN từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp KH&CN”*. Luật cũng mở rộng nhiều ưu đãi về thuế hơn cho các hoạt động KH&CN, cả về đối tượng và cũng như nội dung hoạt động. Chính sách tín dụng cho các hoạt động KH&CN cũng mở rộng hơn, bao gồm cả việc xem xét hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc bảo lãnh tín dụng đầu tư cho hoạt động triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm, thậm chí có thể tài trợ không hoàn lại đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ trực tiếp chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của Nhà nước và phát triển tiềm lực KH&CN quốc gia.

Vai trò cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia và các quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành, tỉnh được xác định. Phương thức quản lý quỹ phát triển KH&CN, khoản chi đến sản phẩm cuối cùng và thậm chí, sử dụng ngân sách để mua sản phẩm KH&CN của nhà khoa học là những quy định mới, có tính đột phá, giúp nâng cao trách nhiệm, tính tự chủ của các nhà khoa học. Hơn thế, các quy định này còn khắc phục được nhiều khe hở mà nhiều người đội lốt khoa học để trục lợi.

Khuyến khích mọi doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển KH&CN của mình hoặc đóng góp vào quỹ phát triển KH&CN của ngành, địa phương. Riêng các doanh nghiệp nhà nước, thay vì: *“được dành một phần vốn để đầu tư phát triển KH&CN nhằm đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm”*, là quy định: *“phải trích một tỷ lệ tối thiểu thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp”*.

(5) Làm rõ thêm quyền sở hữu, đại diện quyền sở hữu nhà nước, thẩm quyền quyết định giao quyền sở hữu và quyền sử dụng đối với kết quả nhiệm vụ KH&CN được tạo ra bằng ngân sách cho tổ chức có đủ điều kiện thực hiện việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu đó, ưu tiên tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN nhằm thúc đẩy thương mại hóa và chuyển giao, góp vốn bằng tài sản trí tuệ vào sản xuất kinh doanh; quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

phân chia lợi nhuận khi chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu được tạo ra từ ngân sách nhà nước.

(6) Những quy định mới và cụ thể về công tác thông tin KH&CN: thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành; đăng ký, giao nộp và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; thu thập thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Luật cũng đề cập đến việc xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin KH&CN, cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

(7) Quy định Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về KH&CN, trong đó có thẩm quyền xây dựng và phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN 05 năm và hàng năm; thống nhất quản lý nhiệm vụ KH&CN các cấp; hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước các cấp; xây dựng đề xuất cơ cấu, tỉ lệ chi ngân sách nhà nước cho KH&CN làm căn cứ cho việc giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; quản lý, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước đầu tư cho KH&CN trên cả nước.

1.3.2. Các văn bản hướng dẫn triển khai Luật Khoa học và Công nghệ

(1) Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 15/3/2014, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Nghị định gồm 6 chương, 50 điều, quy định các nội dung liên quan đến thành lập, đánh giá tổ chức KH&CN; thủ tục xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN; tư vấn KH&CN; kiểm tra, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; phát triển thị trường KH&CN.

Về thành lập các tổ chức KH&CN: được Nghị định cụ thể hóa tại Điều 4. Riêng các tổ chức KH&CN công lập còn phải đáp ứng yêu cầu phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phải được sự thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với tổ chức KH&CN công lập ở Trung ương), Sở Khoa học và Công nghệ (đối với tổ chức KH&CN khác). Việc thành lập tổ chức KH&CN trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cũng được quy định rõ trình tự và thủ tục, trong đó thành phần Hội đồng liên ngành thẩm định

gồm các nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia pháp lý, có không quá 1/3 tổng số thành viên đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN được xác định theo phân cấp giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và các Sở Khoa học và Công nghệ địa phương. Nghị định quy định các tổ chức KH&CN sau khi thành lập phải đăng ký hoạt động KH&CN tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nếu không thực hiện việc đăng ký hoạt động KH&CN theo quy định thì sẽ không được tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, không được Nhà nước đầu tư, hỗ trợ và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về nhiệm vụ KH&CN: Nghị định hướng dẫn các nội dung liên quan đến nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cơ sở); các biện pháp khuyến khích đề xuất ý tưởng khoa học, nhiệm vụ KH&CN; trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN được giao trực tiếp; hội đồng tư vấn KH&CN và các tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập; trách nhiệm của các thành viên hội đồng tư vấn KH&CN và các tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập; kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN; thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước; hỗ trợ đối với nhiệm vụ KH&CN liên kết.

Nghị định cũng quy định các trường hợp giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; xác định quyền và nghĩa vụ của tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; ứng dụng KH&CN trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước; thẩm quyền, trình tự, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Về phát triển thị trường KH&CN: đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sáng tạo công nghệ, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, nhập khẩu, khai thác công nghệ tiên tiến, công nghệ cao từ nước ngoài vào Việt Nam trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với yêu cầu đổi mới, nâng

cao trình độ công nghệ và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa; đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên cơ sở gắn kết chặt chẽ hoạt động KH&CN với sản xuất, kinh doanh thông qua các hoạt động liên kết, hợp tác giữa tổ chức KH&CN với doanh nghiệp; đẩy mạnh việc ươm tạo, phát triển doanh nghiệp KH&CN, đặc biệt trong các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và khu công nghệ cao.

Các Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 08/2014/NĐ-CP:

– Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 15/5/2014, hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.

– Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 26/5/2014, ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

– Thông tư số 06/2014/TT-BKHCN ngày 23/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực sau 45 ngày (10/6/2014), kể từ ngày ký, quy định nguyên tắc, tiêu chí xét chọn nhiệm vụ KH&CN thuộc Quỹ đổi mới KH&CN quốc gia.

– Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 28/7/2014, quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

– Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 15/7/2014, quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia.

– Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/8/2014, quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

– Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/8/2014, quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

– Thông tư số 12/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học

và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/8/2014, quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư.

– Thông tư số 15/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/8/2014, quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

– Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/8/2014, quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.

– Thông tư số 23/2014/TT-BKHHCN ngày 19/9/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 05/11/2014, về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014.

– Thông tư số 28/2014/TT-BKHHCN ngày 15/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/12/2014, quy định xét duyệt, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN thuộc Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia.

– Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 25/12/2014, quy định quản lý chương trình phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020.

– Thông tư số 33/2014/TT-BKHHCN ngày 06/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 20/12/2014, ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

– Thông tư số 01/VBHN-BKHHCN ngày 28/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/8/2014, quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (hợp nhất Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN và Thông tư số 23/2014/TT-BKHHCN).

– Thông tư số 38/2014/TT-BKHHCN ngày 16/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 15/02/2015, quy định về đánh giá tổ chức KH&CN.

– Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 04/02/2015, quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước.

– Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/5/2015, quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

– Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/5/2015, quy định tổ chức quản lý các Chương trình KH&CN cấp quốc gia.

– Thông tư số 17/2015/TT-BKHCN ngày 08/10/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 25/11/2015, quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia.

– Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01/9/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 01/11/2015, hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

– Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BKHCN-BLĐTBXH ngày 30/10/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực từ ngày 01/01/2016, quy định khuyến khích nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sản xuất sản phẩm hỗ trợ người khuyết tật.

– Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 15/02/2016, quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

– Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 08/6/2015, hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

– Thông tư số 03/2016/TT-BKHCN ngày 30/3/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 15/5/2016, quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư.

– Thông tư số 07/2016/TT-BKHCN ngày 22/4/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 08/6/2016, quy định quản lý Chương

trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025.

(2) Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 15/4/2014, về hoạt động thông tin KH&CN.

Nghị định gồm 6 chương, 38 điều, quy định các nội dung liên quan đến các hoạt động thông tin KH&CN, bao gồm: thu thập, cập nhật và xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, thông tin nhằm tạo lập và phát triển nguồn tin KH&CN; nghiên cứu, phân tích, tổng hợp thông tin KH&CN phục vụ cho dự báo, hoạch định chính sách, lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản xuất, kinh doanh và các hoạt động kinh tế - xã hội khác; phát triển hạ tầng thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, các trang thông tin và cổng thông tin điện tử về KH&CN; thiết lập, triển khai các mạng thông tin KH&CN; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin KH&CN; xây dựng thư viện điện tử, thư viện số; hoạt động tìm kiếm, tra cứu, chỉ dẫn, khai thác, sử dụng thông tin KH&CN; cung cấp, trao đổi, chia sẻ các nguồn tin KH&CN; và phổ biến thông tin, tri thức KH&CN.

Nghị định quy định cụ thể các nội dung, trình tự và thủ tục thu thập thông tin về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (có hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước); thu thập, xử lý và công bố thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; thu thập các công bố KH&CN.

Việc xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin quốc gia về KH&CN được xác định, gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN, các cơ sở dữ liệu về thông tin và thống kê KH&CN, các trung tâm dữ liệu, trang thông tin và cổng thông tin điện tử, các nguồn tin KH&CN trong nước và quốc tế dưới dạng điện tử; các mạng thông tin KH&CN kết nối khu vực và quốc tế, bao gồm mạng thông tin nghiên cứu và đào tạo quốc gia và các mạng thông tin KH&CN của các bộ, ngành, địa phương. Nghị định cũng quy định, các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN các cấp phải sử dụng thông tin về nhiệm vụ KH&CN trong cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN: kết quả tra cứu thông tin về nhiệm vụ KH&CN là một trong những tài liệu trong hồ sơ xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách

nhà nước cho tổ chức, cá nhân thực hiện, đánh giá kết quả, xử lý vi phạm về thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Hoạt động thông tin KH&CN được ghi thành một mục chi riêng trong mục lục ngân sách nhà nước hàng năm cho KH&CN của Bộ, ngành, địa phương. Nghị định cũng quy định quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân hoạt động thông tin KH&CN, đặc biệt là các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh. Các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN là tổ chức dịch vụ KH&CN phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện dịch vụ công về thông tin KH&CN, được Nhà nước giao kinh phí hoạt động thường xuyên, được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động thông tin KH&CN.

Các Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 11/2014/NĐ-CP:

– Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 15/8/2014, quy định việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN.

– Thông tư 25/2015/TT-BKHCN ngày 26/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 11/01/2016, quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở về KH&CN.

– Thông tư 26/2015/TT-BKHCN ngày 26/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 11/01/2016, quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về KH&CN áp dụng đối với Sở KH&CN.

(3) Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01/6/2014, về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia.

Nghị định gồm 4 chương, 18 điều, có một số điểm mới so với Nghị định 122/2003/NĐ-CP như sau:

– Bổ sung một số chức năng mới của Quỹ theo Luật: bảo lãnh vốn vay; cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN thông qua Quỹ; hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực KH&CN. Các nhiệm vụ cũng được mở rộng đối với các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng; nhiệm vụ KH&CN tiềm năng;

– Kế thừa Nghị định 122/2003/NĐ-CP về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ; bộ máy quản lý và điều hành Quỹ; nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu

chí và chế độ đối với Hội đồng quản lý Quỹ; Cơ quan điều hành Quỹ; Ban kiểm soát Quỹ; Hội đồng KH&CN được quy định rõ hơn nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng nghiên cứu cũng như quản lý các hoạt động của Quỹ hiệu quả theo chuẩn mực quốc tế;

– Về nguồn vốn hoạt động, ngân sách sự nghiệp KH&CN cấp cho Quỹ vốn điều lệ 500 tỷ đồng và được bổ sung hằng năm để bảo đảm mức vốn ít nhất là 500 tỷ đồng (tăng lên so với quy định tại Nghị định 122/2003/NĐ-CP là 200 tỷ đồng). Hơn nữa, phạm vi hoạt động của Quỹ cũng được mở rộng (tài trợ cho nghiên cứu, ứng dụng, nhiệm vụ KH&CN tiềm năng; hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực KH&CN; bảo lãnh vốn vay);

– Ngân sách sự nghiệp KH&CN cấp thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ KH&CN do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý. Việc cấp kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN thông qua Quỹ nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học, bảo đảm tiến độ giải ngân và phù hợp với tính đặc thù của công tác nghiên cứu khoa học.

Các Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 23/2014/NĐ-CP:

– Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/02/2015, quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia tài trợ.

– Thông tư số 40/2014/TT-BKHCN ngày 18/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/02/2015, quản lý nhiệm vụ KH&CN đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ KH&CN tiềm năng do Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia tài trợ.

– Thông tư số 09/2015/TT-BKHCN ngày 15/5/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/8/2015, quy định quản lý hoạt động nâng cao năng lực KH&CN quốc gia do Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia hỗ trợ.

(4) Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01/7/2014, về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN.

Nghị định gồm 6 chương, 33 điều, quy định các chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài KH&CN, ưu đãi trong sử dụng nhân lực, nhân tài hoạt động KH&CN.

Với nguyên tắc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN thể

hiện ở việc tạo điều kiện, môi trường làm việc thuận lợi cho cá nhân hoạt động KH&CN phát huy tối đa năng lực và được hưởng lợi ích xứng đáng với kết quả hoạt động KH&CN; bảo đảm đúng đối tượng, tạo điều kiện cho nhân tài thực hiện các nhiệm vụ KH&CN quan trọng để phát huy tài năng và được hưởng lợi ích xứng đáng với nhiệm vụ đảm nhận; Nhà nước bảo đảm nguồn lực để thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN, Nghị định quy định các chức danh và quy trình thủ tục xét công nhận, bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ; việc đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác; nâng lương vượt bậc đối với cá nhân có thành tích trong hoạt động KH&CN; được tạo các điều kiện làm việc thuận lợi; kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu; ưu đãi cá nhân hoạt động KH&CN có chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Việc ưu đãi, trọng dụng nhân lực, nhân tài hoạt động KH&CN được đặc biệt chú trọng đến các nhóm đối tượng:

Các nhà khoa học đầu ngành: là cá nhân hoạt động KH&CN, được xem xét, công nhận khi đáp ứng đồng thời các tiêu chuẩn: vị trí chuyên môn; trình độ đào tạo từ tiến sĩ trở lên; có thành tích khoa học; là tác giả chính của ít nhất 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín, hoặc chủ biên 01 sách chuyên khảo, hoặc là tác giả của 01 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ và được ứng dụng, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội; chủ trì thực hiện thành công ít nhất 02 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia hoặc nhiệm vụ KH&CN đặc biệt; sử dụng thành thạo ít nhất 01 ngoại ngữ phục vụ công tác chuyên môn và giao tiếp được bằng tiếng Anh; và phải có uy tín trong cộng đồng KH&CN.

Các nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng: tập trung theo hướng tạo điều kiện cho nhà khoa học được chủ động trong các hoạt động thực hiện nhiệm vụ KH&CN được giao (sử dụng kinh phí được giao theo phương thức khoán chi; việc bố trí, sử dụng nhân lực) và các hỗ trợ khác (sử dụng miễn phí các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện nhiệm vụ; bố trí phương tiện đi lại, nhà ở công vụ; tiếp cận thông tin, tư liệu từ các thư viện điện tử, thư viện kỹ thuật quan trọng)

Các nhà khoa học trẻ tài năng: là cá nhân hoạt động KH&CN dưới

35 tuổi, có trình độ tiến sĩ trở lên, đồng thời là chủ trì công trình đạt giải thưởng uy tín về KH&CN trong nước (hoặc quốc tế) hoặc là tác giả chính ít nhất 05 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế có uy tín; hoặc chủ biên ít nhất 03 sách chuyên khảo; hoặc là tác giả của ít nhất 02 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ, trong đó có ít nhất 01 sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

Ngoài các chính sách ưu đãi chung theo quy định, các nhà khoa học trẻ tài năng còn được hưởng các chế độ:

- Được xét tuyển dụng đặc cách không qua thi vào làm việc trong tổ chức KH&CN công lập và được hưởng hệ số lương 5,08 (tương đương bậc 3/8 ngạch chuyên viên chính);

- Được ưu tiên cử tham gia các chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ chuyên ngành KH&CN tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài; được ưu tiên cử đi thực tập, làm việc có thời hạn tại các tổ chức KH&CN ở nước ngoài; được ưu tiên giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN tiềm năng thuộc lĩnh vực chuyên môn;

- Được tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN xem xét giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước để thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp KH&CN;

- Được xem xét hỗ trợ kinh phí sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện các hoạt động KH&CN, trừ trường hợp kinh phí này đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

- Được hỗ trợ kinh phí công bố kết quả KH&CN, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và giống cây trồng ở trong nước và nước ngoài, trừ trường hợp kinh phí này đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Các Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 40/2014/NĐ-CP:

- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ, có hiệu lực từ ngày 01/12/2014, quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, viên chức chuyên ngành KH&CN.

- Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHCN-BNV-BTC ngày

06/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 01/01/2016, hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN.

(5) Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 15/9/2014, về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về KH&CN.

Nghị định gồm 6 chương, 35 điều, quy định các đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KH&CN; đối tượng, điều kiện, cơ sở xây dựng tiêu chuẩn, việc tổ chức xét tặng giải thưởng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về KH&CN; việc đặt và tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài về KH&CN. Đối tượng áp dụng là các tác giả, đồng tác giả là người Việt Nam, người nước ngoài có công trình, cụm công trình KH&CN được đề nghị xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và Giải thưởng Bộ, ngành, địa phương về KH&CN; tổ chức KH&CN, cá nhân hoạt động KH&CN tại Việt Nam được nhận giải thưởng của tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài về KH&CN.

Về nguyên tắc đặt tên và xét tặng giải thưởng về KH&CN, Nghị định quy định tên giải thưởng mới không được trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với tên giải thưởng về KH&CN đã có; không sử dụng tên của tổ chức, cá nhân để đặt tên giải thưởng nếu chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó hoặc đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân đó hoặc cơ quan có thẩm quyền; không vi phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Việc đăng ký đề nghị xét tặng các giải thưởng về KH&CN được thực hiện trên cơ sở tự nguyện; việc xét tặng được thực hiện khách quan, công khai, công bằng, chính xác; công trình đề nghị xét tặng giải thưởng không có vi phạm về sở hữu trí tuệ. Về xét trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KH&CN, mỗi công trình chỉ được đề nghị xét tặng một giải thưởng trong một đợt xét tặng; mỗi công trình chỉ được tặng một giải thưởng về KH&CN, do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ

chức.

Nghị định quy định, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KH&CN được Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc xét tặng và công bố 05 năm một lần. Tùy theo điều kiện cụ thể, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức xét tặng giải thưởng về KH&CN của Bộ, ngành, địa phương về KH&CN; thời hạn tổ chức xét tặng giải thưởng không dưới 3 năm một lần đối với giải thưởng mà tiền thưởng lấy từ nguồn ngân sách nhà nước; công bố và trao giải thưởng vào Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (ngày 18/5) hoặc vào thời điểm phù hợp do Bộ, ngành, địa phương quyết định.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định rõ mức thưởng cho tác giả công trình được tặng giải thưởng: tác giả được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về KH&CN tiền thưởng cao nhất lên đến 270 lần mức lương cơ sở; tác giả công trình được tặng Giải thưởng Nhà nước về KH&CN được nhận số tiền tương đương 170 lần mức lương cơ sở tại thời điểm quyết định tặng giải thưởng; tác giả công trình được tặng giải thưởng của Bộ, ngành, địa phương về KH&CN không quá 100 lần mức lương cơ sở tại thời điểm có quyết định giải thưởng. Tác giả công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng. Nếu trường hợp bị phát hiện không trung thực trong quá trình lập hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng thì tác giả công trình sẽ bị hủy bỏ quyết định tặng giải thưởng, thu hồi Bằng chứng nhận và tiền thưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Hướng dẫn thi hành Nghị định 78/2014/NĐ-CP là Thông tư số 31/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014, của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ 20/12/2016.

(6) Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 10/11/2014, về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam

Nghị định gồm 5 chương, 16 điều, quy định chính sách thu hút, thẩm quyền quyết định và quy trình chấp thuận việc sử dụng cá nhân hoạt động

KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam. Theo đó, các cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài được hưởng chính sách thu hút khi đạt một trong các điều kiện như sau:

- Có sáng chế hoặc giống cây trồng được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với nhiệm vụ KH&CN thực hiện tại Việt Nam;
- Có công trình nghiên cứu KH&CN xuất sắc phù hợp với nhiệm vụ KH&CN thực hiện tại Việt Nam;
- Có bằng tiến sĩ, đã và đang giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tại cơ sở nghiên cứu có uy tín ở nước ngoài trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ KH&CN tại Việt Nam;
- Có bằng tiến sĩ, đã làm việc trên 3 năm ở vị trí nghiên cứu khoa học tại chương trình, dự án hợp tác quốc tế về KH&CN hoặc bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu như đã nêu thì phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Các chính sách thu hút bao gồm:

Xuất nhập cảnh và cư trú: người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài và thành viên gia đình (bao gồm bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) được cấp thị thực nhiều lần hoặc Thẻ tạm trú với thời hạn tối đa. Nếu được Nhà nước Việt Nam tặng huân chương hoặc danh hiệu vinh dự nhà nước hoặc đang tạm trú tại Việt Nam thì được xem xét cấp Thẻ thường trú.

Tuyển dụng, lao động, học tập: được bổ nhiệm, thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KH&CN; được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp. Riêng người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian làm việc tại Việt Nam còn được xét công nhận, bổ nhiệm chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; được tạo điều kiện cấp giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn; thành viên gia đình được tạo điều kiện, hỗ trợ về thủ tục khi tìm kiếm việc làm và tuyển sinh, học tập tại các cơ sở giáo dục và đào tạo tại Việt Nam.

Lương và chỗ ở: được hưởng lương theo thỏa thuận, tùy theo mức độ ưu tiên, tính chất, quy mô và tầm quan trọng của hoạt động KH&CN; trình

độ, năng lực, hiệu quả đóng góp của cá nhân. Cơ quan, tổ chức sử dụng sẽ tạo điều kiện về chỗ ở hoặc hỗ trợ thuê chỗ ở trong thời gian tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam.

Về tiếp cận thông tin: được cung cấp thông tin, tư vấn định hướng, lĩnh vực KH&CN ưu tiên phát triển tại Việt Nam và các tổ chức KH&CN có nhu cầu và tiềm năng hợp tác trước khi tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Việt Nam sẽ được cơ quan, tổ chức sử dụng cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến các hoạt động chuyên môn.

Khen thưởng, vinh danh: nếu có nhiều cống hiến đối với sự phát triển KH&CN của Việt Nam sẽ được Nhà nước Việt Nam xem xét tặng danh hiệu khoa học danh dự, kỷ niệm chương vì sự nghiệp KH&CN hoặc được vinh danh, khen thưởng theo quy định pháp luật.

Các quyền và chính sách khác được hưởng là: ưu đãi tối đa về thuế, được chuyển các khoản thu nhập hợp pháp ra nước ngoài theo quy định, được mua ngoại tệ để chuyển ra nước ngoài; được cơ quan, tổ chức sử dụng bảo đảm các điều kiện thuận lợi về phòng làm việc, trang thiết bị và vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại Việt Nam; được sử dụng miễn phí phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm trọng điểm khác để triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; được tạo điều kiện sử dụng tài liệu, sách báo, tạp chí, dịch vụ internet phục vụ cho hoạt động chuyên môn; được hỗ trợ kinh phí tổ chức hội thảo KH&CN phù hợp với lĩnh vực chuyên môn tại Việt Nam; được bố trí phương tiện đi lại nếu chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng; được hưởng các ưu đãi khác theo thỏa thuận với cơ quan, tổ chức sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam thì được hưởng mọi quyền của cá nhân hoạt động KH&CN quy định tại Luật Khoa học và công nghệ.

Nghị định cũng quy định cơ quan chấp thuận việc sử dụng người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại các chương trình, dự án cụ thể là cơ quan chủ quản của cơ quan, tổ chức công lập đề xuất. Trường hợp các cơ quan, tổ chức ngoài công lập muốn đề xuất áp dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước quy định tại Nghị định

này đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài làm việc cho cơ quan, tổ chức mình thì phải được ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đóng trụ sở chính xác nhận đủ điều kiện.

(7) Nghị định số 93/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 15/12/2014, sửa đổi, bổ sung 7 điều (Điều 2, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12) của Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ (Nghị định 64) quy định về hành vi vi phạm mà không phải là tội phạm, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung trong Nghị định 93/2014/NĐ-CP (Nghị định 93) đã thay thế hình thức chế tài *“Buộc đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN”* tại Điều 2 Nghị định 64 bằng hình thức *“Buộc cải chính công khai trên phương tiện thông tin đại chúng”*. Hình phạt bằng tiền đối với cá nhân là thành viên hội đồng KH&CN không thực hiện đúng thủ tục hoặc đánh giá, chấm điểm không đúng với các tiêu chí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi tư vấn, thẩm định, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cũng được loại bỏ.

Nghị định 93 cũng bổ sung hình thức phạt cảnh cáo đối với cá nhân, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước vượt quá thời gian đã cam kết mà không được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước giao nhiệm vụ tại Điều 7; xác định rõ thêm mức phạt về các hành vi vi phạm quy định về báo cáo, đăng ký, triển khai hoạt động và giải thể tổ chức KH&CN. Bổ sung nội dung *“Vi phạm quy định về đánh giá, xếp hạng tổ chức KH&CN công lập”* tại Điều 8.

Đối với các vi phạm quy định về sở hữu, sử dụng kết quả hoạt động KH&CN (Điều 9), tăng thêm các hành vi bị chế tài đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, số liệu, thông tin của cá nhân, tổ chức khác trong báo cáo khoa học, tài liệu khoa học mà không chỉ rõ nguồn gốc, xuất xứ của kết quả nghiên cứu đó; tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước về kết quả khai thác, chuyển giao hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; không thông báo với đại diện chủ sở hữu nhà nước khi

không còn khả năng khai thác quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyết định giao quyền của cơ quan quản lý có thẩm quyền. Bên cạnh đó, Nghị định cũng giảm mức phạt tối đa đã quy định tại Nghị định 64 đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm điều khoản này.

Nghị định mới cũng tăng số hành vi bị chế tài và tăng cả mức phạt đối với các hành vi vi phạm quy định về ứng dụng, phổ biến kết quả hoạt động KH&CN tại Điều 10 Nghị định 64.

Các hành vi thành lập, trích lập, quản lý điều hành hoạt động Quỹ phát triển KH&CN của các tổ chức và cá nhân cũng bị chế tài theo Nghị định 93. Các tổ chức thuộc diện phải lập Quỹ phát triển KH&CN trích không đủ tỷ lệ tối thiểu hoặc không trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập đều bị chế tài mạnh.

Hướng dẫn thi hành Nghị định 93 là Thông tư số 20/2015/TT-BKHCN ngày 05/11/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 20/12/2015.

(8) Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01/12/2014, về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN.

Nghị định gồm 4 chương, 22 điều, quy định về đầu tư, cơ chế tài chính và một số nội dung cần thiết về dự toán ngân sách nhà nước, nội dung chi cho hoạt động KH&CN và quản lý nhà nước về quỹ phát triển KH&CN. Nghị định được đánh giá là một “đột phá” trong chính sách đầu tư và cơ chế tài chính phát triển KH&CN.

Khác với thời gian từ năm 2014 trở về trước, Nghị định quy định Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN, cơ cấu chi giữa đầu tư phát triển và sự nghiệp KH&CN; tỷ lệ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm đề xuất với ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho KH&CN của địa phương mình; xử lý, tổng hợp trình ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trên cơ sở đề xuất dự toán của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập và dự toán chi đầu tư phát triển KH&CN, Bộ Tài chính lập dự toán chi sự nghiệp KH&CN trình Chính

phủ. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kinh phí từ nguồn ngân sách dành cho KH&CN được giao hàng năm, lập phương án bố trí kinh phí cho đầu tư phát triển và sự nghiệp KH&CN không thấp hơn mức Trung ương giao.

Về chi ngân sách nhà nước cho KH&CN, Nghị định quy định chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN không phân biệt thành phần kinh tế.

Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã xác lập một giải pháp mới, mạnh mẽ huy động vốn đầu tư cho nghiên cứu và đổi mới công nghệ từ các doanh nghiệp thông qua hệ thống các quỹ phát triển KH&CN. Bên cạnh các quỹ phát triển KH&CN cấp quốc gia, quỹ phát triển KH&CN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Nghị định cũng quy định về việc trích lập quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp nhà nước hàng năm phải trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Doanh nghiệp ngoài nhà nước cũng được quyền trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp một tỷ lệ hợp lý, tối đa 10% để lập quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Nhà nước cũng khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho KH&CN tại Việt Nam dưới các hình thức: đầu tư trực tiếp, liên doanh, liên kết với các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp của Việt Nam hoặc ủy thác đầu tư và được hưởng các hình thức ưu đãi theo quy định pháp luật.

Khoản chi là một trong những điểm mới quan trọng về cơ chế tài chính trong Nghị định. Khoản chi đến sản phẩm cuối cùng đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước khi đáp ứng đồng thời các tiêu chí: nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm cuối cùng đã xác định được rõ tên sản phẩm cụ thể, chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm, đơn vị đo, mức chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt được, số lượng hoặc quy mô sản phẩm tạo ra, địa chỉ ứng dụng; được hội đồng KH&CN tuyển chọn, xét giao trực tiếp xác định đáp ứng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; được chủ nhiệm nhiệm vụ và cơ quan chủ trì chấp nhận; dự toán của nhiệm vụ KH&CN đã được tính đúng, tính đủ tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định hiện hành... Khoản chi từng phần đối với các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước có tính rủi ro cao, không thể xác định được tiêu chí cụ thể

của sản phẩm cuối cùng, cần đáp ứng các tiêu chí: có từng phần công việc xác định được rõ nội dung, mục tiêu, yêu cầu, kết quả, kinh phí thực hiện; được hội đồng KH&CN tuyển chọn, xét giao trực tiếp xác định thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần; được chủ nhiệm nhiệm vụ và cơ quan chủ trì chấp nhận; dự toán phần công việc được khoán chi của nhiệm vụ KH&CN đã được tính đúng, tính đủ tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định hiện hành.

Mua các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được Nghị định chi tiết hóa. Các điều kiện cần có: kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua phải có giá trị phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, xác định được tiêu chí rõ ràng, minh bạch và định lượng; có tổ chức, cá nhân cam kết ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tổ chức, cá nhân nhận thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chấp nhận quá trình thẩm định nội dung và kinh phí theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cam kết tự huy động kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân quy định rõ điều kiện về thời gian thực hiện, sản phẩm KH&CN, kinh phí đặt mua, hình thức thanh toán sau khi nhận được kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân.

Hướng dẫn thi hành Nghị định này là các Thông tư:

– Thông tư số 03/2015/TT-BKH&CN ngày 09/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 23/4/2015, ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

– Thông tư 04/2015/TT-BKH&CN ngày 11/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực từ ngày 01/5/2015, quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

– Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 15/02/2016, quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

(9) Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 15/12/2015, về việc quy định việc đầu tư phát triển tiềm

lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học

Nghị định gồm 6 chương, 19 điều, quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực (nhân lực KH&CN, cơ sở vật chất) và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học (đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng); viện nghiên cứu khoa học trong phạm vi nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ được giao; các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong cơ sở giáo dục đại học.

Giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học được ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân đối với phần thu nhập từ hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm và các hợp đồng thực hiện tại miền núi, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; giáo sư là giảng viên cơ hữu trong các cơ sở giáo dục đại học thành lập nhóm nghiên cứu xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn của mình được cấp kinh phí cho hoạt động của nhóm nghiên cứu từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN,... Giảng viên là nhà khoa học trẻ tài năng trong các cơ sở giáo dục đại học được ưu tiên tuyển chọn đi học nâng cao trình độ ở trong nước, ngoài nước

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế khi đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học bằng lợi nhuận trước thuế hoặc bằng lợi nhuận sau thuế; đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học bằng thu nhập trước thuế hoặc bằng thu nhập sau thuế; nhập khẩu trang thiết bị, máy móc nguyên vật liệu để đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học; tiến hành hoạt động chuyển giao công nghệ từ cơ sở giáo dục đại học; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học của cơ sở giáo dục đại học để phát triển và đổi mới công nghệ. Quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khi đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học được Nhà nước công nhận và bảo hộ.

(10) Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01/8/2016, quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập.

Nghị định gồm 3 chương, 19 điều, quy định về cơ chế tự chủ của các

tổ chức KH&CN công lập được thành lập bởi các cơ quan như Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nghị định này không áp dụng đối với tổ chức KH&CN công lập là cơ sở giáo dục đại học.

Theo đó, các tổ chức KH&CN công lập được phân loại theo mức độ tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư gồm: tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; tổ chức KH&CN công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên. Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi đầu tư cho các tổ chức KH&CN công lập không tự bảo đảm chi đầu tư.

Về cơ chế tự chủ về tài chính của các tổ chức KH&CN công lập, Nghị định quy định nguồn tài chính của tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên gồm: nguồn thu từ hoạt động KH&CN, sản xuất – kinh doanh, liên doanh, liên kết và nguồn thu hợp pháp khác; nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại để chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí; nguồn thu từ ngân sách nhà nước nếu được cơ quan có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên như: kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án; vốn đầu tư phát triển; kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao; nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định hiện hành. Nghị định cũng quy định rõ, hàng năm, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có) phải trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư không bị hạn chế mức trích lập Quỹ bổ sung thu nhập, tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên được trích lập Quỹ bổ sung thu nhập nhưng không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định. Tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi

đầu tư được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp nhà nước, được vay vốn, huy động vốn để đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp theo quy định.

Đối với các tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và tổ chức KH&CN công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, nguồn tài chính gồm: nguồn thu từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ KH&CN, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công; nguồn thu từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên như: kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án; vốn đầu tư phát triển; kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao; nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại để chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí; nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định hiện hành; nguồn thu từ hoạt động KH&CN, hoạt động sản xuất - kinh doanh, liên doanh, liên kết và nguồn thu khác theo quy định hiện hành. Nghị định cũng quy định, hàng năm, căn cứ vào tỉ lệ tự bảo đảm được chi thường xuyên, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), phải trích tối thiểu 5-20% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 2,5 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định.

Ngoại trừ tổ chức KH&CN công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, các tổ chức KH&CN công lập còn lại được cơ quan có thẩm quyền xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp; thực hiện quản lý, sử dụng tiền thu được từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ, liên doanh, liên kết theo cơ chế tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp; tiền thu được từ cho thuê tài sản nhà nước, sau khi trừ chi phí hợp lý, nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước, đơn vị được sử dụng phần còn lại để phát triển hoạt động sự nghiệp.

Về chính sách ưu đãi, Nghị định quy định tổ chức KH&CN công lập được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định hiện hành: tổ chức KH&CN công lập được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp thì

được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm, được miễn thuế tối đa không quá 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 9 năm tiếp theo); tổ chức KH&CN công lập còn được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng và các ưu đãi khác theo quy định hiện hành.